

## LIÊN KẾT GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VỚI VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**Phạm Hồng Trang<sup>1</sup>**

Trường Đại học Lao động - Xã hội

---

### **Tóm tắt:**

*Liên kết giữa ba khu vực trường đại học-viện nghiên cứu-doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN), tăng cường chuyển giao kết quả nghiên cứu. Sự liên kết trong hoạt động KH&CN được thực hiện ở nhiều hoạt động khác nhau: Trao đổi nhân lực KH&CN, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, trao đổi thông tin KH&CN... Các hoạt động liên kết này đã được thực hiện ở trường đại học song còn gặp phải một số rào cản về chính sách, về năng lực nghiên cứu và các điều kiện đảm bảo khác. Bài viết phân tích thực trạng liên kết giữa trường đại học-viện nghiên cứu-doanh nghiệp, chỉ ra một số tác nhân cản trở mối liên kết và đề xuất, khuyến nghị nhằm tăng cường mối liên kết ba bên này.*

**Từ khóa:** Liên kết; Hoạt động KH&CN; Hệ thống đổi mới.

**Mã số:** 17021401

### **1. Mở đầu**

Khái niệm tam giác liên kết (trường đại học-viện nghiên cứu-doanh nghiệp) được sử dụng khi xem xét mối quan hệ giữa nghiên cứu lý thuyết với sản xuất, ứng dụng được thực hiện chủ yếu tại các trường đại học, viện nghiên cứu. Liên kết giữa trường đại học với viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong hoạt động KH&CN thường được thực hiện qua các hoạt động như: Hợp tác nghiên cứu; Tài trợ nghiên cứu; Hợp đồng đặt hàng nghiên cứu; Các hoạt động hỗ trợ (dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật,...) và trao đổi nhân lực KH&CN.

Khái niệm hệ thống đổi mới được xem xét ở phạm vi quốc gia bao gồm tập hợp các yếu tố và tương tác giữa các yếu tố, các hoạt động, tổ chức và thiết chế liên quan trong quá trình tạo ra, áp dụng và phổ biến các tri thức mới trong một quốc gia. Các yếu tố của hệ thống đổi mới quốc gia bao gồm: Các loại hoạt động (nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ, thương mại hóa sản phẩm mới, đào tạo nhân lực KH&CN,...); Các tổ chức (chính phủ, công ty, trường đại học, viện nghiên cứu,...); Các chính sách và quan trọng

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: hongtrangulsa@yahoo.com

nhất là cách thức liên kết, kiểu tương tác giữa các yếu tố, tổ chức và chính sách trong quá trình đổi mới<sup>2</sup>. Trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp là các thành phần của hệ thống đổi mới, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm.

Hoạt động KH&CN là các hoạt động có tính hệ thống và sáng tạo, được thực hiện nhằm làm tăng khối lượng tri thức, bao gồm tri thức của con người, văn hóa và xã hội, sử dụng nguồn tri thức này để tạo ra những ứng dụng mới<sup>3</sup>.

Liên kết trong hoạt động KH&CN của trường đại học với viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong phạm vi bài viết được xem xét dựa trên một số yếu tố theo tiếp cận hệ thống đổi mới, bao gồm: dòng trao đổi nhân lực, dòng chuyển giao kết quả nghiên cứu và dòng trao đổi thông tin.

Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu thực trạng liên kết tại 4 trường đại học, trong đó có 3 trường khoa học tự nhiên và kỹ thuật là: Trường Đại học Công nghệ (Đại học Quốc gia Hà Nội), Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Đại học Nông nghiệp I trước đây) và 1 trường khoa học xã hội - Trường Đại học Lao động-Xã hội; từ đó, phát hiện các rào cản và đề xuất những gợi ý thúc đẩy việc hình thành và phát triển hoạt động liên kết của trường đại học với viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Tác giả thực hiện điều tra bằng bảng hỏi với 100 giảng viên có tham gia các hoạt động nghiên cứu đang công tác tại 4 trường đại học nêu trên và thực hiện 12 cuộc phỏng vấn sâu (4 giảng viên, 4 nghiên cứu viên và 4 giám đốc doanh nghiệp có liên kết với trường đại học).

## **2. Thực trạng liên kết của trường đại học với viện nghiên cứu và doanh nghiệp**

### ***2.1. Thực trạng dòng trao đổi nhân lực***

Trao đổi nhân lực là một trong những chỉ báo quan trọng, đánh giá mức độ liên kết giữa trường đại học với các phân hệ khác của hệ thống đổi mới. Ở các cơ sở đào tạo được khảo sát, việc trao đổi nhân lực diễn ra khá thường xuyên song quy mô khác nhau.

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội gồm các viện, khoa đào tạo trực thuộc. Ở mỗi khoa, viện, việc trao đổi nhân lực giữa cán bộ, giảng viên trong trường với các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước diễn ra thường xuyên. Hoạt động trao đổi nhân lực ở các dạng:

<sup>2</sup> Tham khảo từ: Trần Công Yên. 2012. *Những kiến thức cơ bản về đổi mới*. Hà Nội, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

<sup>3</sup> UNESCO. 1984. *Manual for statistics on scientific and technological activities*. ST.84/WS/12. Paris: UNESCO.

Giảng viên nước ngoài đến giảng dạy một số tín chỉ tại trường; cử sinh viên đi học tại các trường liên kết ở nước ngoài; cấp học bổng cho sinh viên và giảng viên; tuyển dụng sinh viên năm cuối để vừa học vừa làm, rèn luyện khả năng tác nghiệp (như Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khí Việt Nam tuyển học viên làm việc tại các công trình khí, nhà máy chế biến khí); Tổ chức, tham gia các nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ; thỏa thuận hình thành Phòng thí nghiệm nghiên cứu (như hợp tác với VNPT);...

Khi được hỏi về thực trạng trao đổi nhân lực giữa Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và các đối tác ngoài trường, một nhà quản lý đã nhận định: *Hoạt động như mời giảng viên nước ngoài đến giảng một số giờ học trong trường, cử sinh viên đi học, cử giảng viên đi tham quan mô hình,... ở các đơn vị thành viên thuộc Trường diễn ra khá thường xuyên. Tuy nhiên, sự trao đổi nhân lực này chưa đồng đều giữa các Viện, Khoa. Có Viện thực hiện rất nhiều nhưng có Viện lại khá ít hoạt động trao đổi, tùy thuộc tính chất lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu của Viện đó. Nếu như hỏi rằng thực trạng này có thể phát triển tốt hơn nữa được không thì theo tôi hoàn toàn có thể tăng cường trao đổi nhân lực hơn nữa, vì tiềm năng của Nhà trường là rất lớn, đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ chuyên môn sâu.*

Dòng trao đổi nhân lực ở Học viện Nông nghiệp Việt Nam với các đối tác được thực hiện trên cơ sở các thỏa thuận hợp tác, bản ghi nhớ giữa Học viện và 114 trường, viện nghiên cứu từ 25 quốc gia. Trên cơ sở đó, Học viện đã tham gia tích cực và hiệu quả trong các dự án, chương trình đào tạo liên kết, trao đổi sinh viên và cán bộ. Tính đến tháng 6/2014, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đang triển khai 9 dự án quốc tế với tổng số vốn là 1 triệu USD<sup>4</sup>. Hoạt động hợp tác cũng đem lại cơ hội để nhiều giảng viên được cử đi dự các hội thảo, học tập ngắn và dài hạn, tham quan học tập ở các nước trong khu vực và quốc tế. Đồng thời, Học viện cũng đón nhận các lưu học sinh nước ngoài đến học tập tại Trường. Năm 2016, Học viện đã ký kết hợp đồng đào tạo và nghiên cứu khoa học với hàng trăm doanh nghiệp đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tăng thời lượng thực hành, thực tập để sinh viên học đi đôi với hành.

Hoạt động trao đổi nhân lực của Trường Đại học Công nghệ (Đại học Quốc gia Hà Nội) diễn ra sôi động do Nhà trường đã thiết lập mối liên kết với nhiều doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học trong, ngoài nước. Kể từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học Công nghệ đã thiết lập được mạng lưới liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi văn hóa, trao đổi

<sup>4</sup> Tham khảo từ Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2014

sinh viên... với hơn 70 trường đại học, viện nghiên cứu trên thế giới, đón tiếp hàng trăm đoàn đại biểu, chuyên gia, giáo sư, giảng viên đến công tác, các học viên nước ngoài đến học tập và thực tập tại Trường. Bên cạnh đó, mỗi năm có khoảng hơn 100 đoàn giảng viên, sinh viên của Trường đi tham dự các chương trình học bổng, trao đổi sinh viên, giảng viên, hội thảo khoa học,... tại các trường đối tác nước ngoài.

Dòng trao đổi nhân lực ở Trường Đại học Lao động - Xã hội diễn ra dưới các hình thức: trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu thông qua các hợp đồng tài trợ nghiên cứu, nghiên cứu chung và thực hiện một phần nhiệm vụ nghiên cứu của các đề tài quốc tế. Theo thống kê của Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, trung bình 1 năm Nhà trường có 15 đợt tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên do đối tác ngoài trường tài trợ, 10 đợt tham quan học tập nước ngoài và 2 đợt trao đổi sinh viên với các trường đại học ngoài nước (chủ yếu là Nhật, Hàn Quốc).

Dòng trao đổi nhân lực của các trường đại học với viện nghiên cứu, doanh nghiệp còn được thể hiện ở sự hợp tác, liên kết trong nghiên cứu, qua đó nâng cao năng lực nhân lực KH&CN.

**Bảng 1.** Tỷ lệ % các giảng viên đánh giá về mức độ hợp tác giữa trường đại học với các đối tác trong nghiên cứu khoa học (triệu đồng/năm)<sup>5</sup>

TT	Đối tác liên kết trong NCKH	Ít hợp tác (< 500)	Trung bình (500-2.000)	Chặt chẽ (2.000-10.000)	Rất chặt chẽ (>10.000)
1	Trường đại học trong nước	24	69	7	0
2	Trường đại học nước ngoài	12	71	17	0
3	Viện R&D trong nước	14	75	11	0
4	Viện R&D nước ngoài	4,1	75,5	20,4	0
5	Doanh nghiệp	2	3	76,8	18,2
6	Các đối tác khác	11,2	61,8	23,6	0

*Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2016*

Theo kết quả này, sự liên kết trong hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học được khảo sát với các trường, viện và doanh nghiệp là khá chặt chẽ. Tỷ lệ ủng hộ cho nhận định này rất cao, trên 70%. Tuy nhiên,

<sup>5</sup> Số liệu khảo sát do tác giả thực hiện trên 100 giảng viên thuộc 4 trường đại học: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Công nghệ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Lao động-Xã hội. Tác giả lấy ý kiến của 8 chuyên gia tại các trường được khảo sát về 4 mức độ hợp tác tương ứng với mức kinh phí cụ thể là bao nhiêu. Các mức độ đưa ra như bảng trên để khảo sát 100 giảng viên là mức kinh phí trung bình theo nhận định của các chuyên gia.

cũng có một số ý kiến cho rằng trường còn ít hợp tác trong nghiên cứu, nhất là với trường đại học khác (24%) và viện nghiên cứu (14%). Đối tác được cho rằng có liên kết rất chặt chẽ với trường trong nghiên cứu là doanh nghiệp (18,2% nhận định hợp tác rất chặt chẽ và 76,8% nhận định chặt chẽ). Điều này có thể lý giải do các trường được khảo sát có lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu là nghiên cứu ứng dụng, sản phẩm nghiên cứu có khả năng tiếp tục khai thác để đem lại lợi nhuận cho người sử dụng. Vì vậy, các đề tài, dự án nghiên cứu thường làm theo đơn đặt hàng với doanh nghiệp.

## **2.2. Dòng chuyển giao kết quả nghiên cứu**

Với đặc thù các nghiên cứu mang tính ứng dụng cao, hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội được thực hiện ở tất cả các đơn vị trực thuộc. Để hỗ trợ cán bộ trong quá trình làm hồ sơ đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, trường có các tổ sở hữu trí tuệ trực thuộc phòng KH&CN hoạt động 8 năm qua. Nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp và ươm tạo công nghệ, trường thành lập hệ thống chợ công nghệ trực tuyến (E-techmart) từ tháng 11/2011. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (BK Holdings) và các công ty thành viên (gồm 5 công ty cổ phần, 1 công ty liên kết và 1 trường cao đẳng nghề). BK Holdings có nhiệm vụ quản lý vốn của Trường; quản lý và giám sát hoạt động của các công ty thành viên. Các công ty thành viên trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và là cầu nối cho hoạt động chuyển giao công nghệ, nhằm đưa các kết quả nghiên cứu khoa học của trường vào thực tế. Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đã thực hiện hàng trăm sản phẩm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, điển hình như: Hợp tác với Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông (Ralaco)<sup>6</sup>; Công ty nước giải khát rượu bia Hà Nội, Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Công ty Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao, Bệnh viện E, Tổng Công ty LILAMA,...

Hợp tác giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và các đối tác dưới hình thức nhận tài trợ nghiên cứu và thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu, tài trợ phát triển hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, thí nghiệm. Tuy nhiên, bên cạnh những sản phẩm nghiên cứu đã được chuyển giao, mang lại nguồn thu cho nhà khoa học và Học viện, vẫn còn không ít các “tiền bộ KH&CN có thể chuyển giao”<sup>7</sup> nhưng chưa được chuyển giao trong thực tế như: Lợn đực giống Pietranin kháng stress nhân thuần tại Việt Nam;

---

<sup>6</sup> Theo: <http://www.hust.edu.vn>

<sup>7</sup> Theo: Ban KH&CN, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tổ hợp lai 1/2 và 2/4 gà Hồ gà Lương Phượng; Các giống lúa thuần chất lượng; Máy thu hoạch lúa; Hệ thống máy canh tác và thu hoạch sẵn;...

Trường Đại học Công nghệ đã và đang phối hợp với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và triển khai nghiên cứu thực hiện một số đề tài KH&CN mũi nhọn như: Đề tài trọng điểm về Công nghệ Nanô, thiết kế chip chức năng tích hợp. Ngoài ra, một số nhóm cán bộ của trường còn nhận được các dự án, đề tài nghiên cứu từ các công ty, tập đoàn công nghiệp nước ngoài (Tập đoàn Mitani, Công ty Panasonic Việt Nam, Tập đoàn Toshiba,...). Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Phần mềm của Nhà trường đã phát triển, cung cấp nhiều dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin.

Với đặc thù là một trường thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, việc chuyển giao kết quả nghiên cứu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cho các doanh nghiệp, cơ sở ngoài trường không phải là quy trình công nghệ như các trường được khảo sát. Việc chuyển giao là thực hiện các đơn đặt hàng với đầu việc cụ thể như: Tổ chức định mức lao động, thiết kế thang bảng lương cho doanh nghiệp; Thực hiện tư vấn pháp luật bảo hiểm xã hội, quản lý thu bảo hiểm xã hội; Giải quyết những xung đột về mặt xã hội, môi trường của một cộng đồng dân cư (phát triển cộng đồng); Tham vấn, công tác xã hội cá nhân và gia đình; Tư vấn phương pháp hỗ trợ cải tạo, giáo dục đối với người mắc tệ nạn xã hội đang giam giữ; Hỗ trợ trị liệu tâm lý trong làm việc với người khuyết tật, người tâm thần, trẻ mồ côi, người cao tuổi cô đơn; Cung cấp phương tiện giả cho người khuyết tật; Tư vấn luật trong tranh chấp lao động, hỗ trợ thủ tục pháp lý khi thành lập, giải thể doanh nghiệp,... Theo kết quả khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu tại Trường, tỷ lệ các giảng viên tham gia hoạt động hợp tác theo đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp, viện nghiên cứu ngoài trường với tư cách cá nhân cao hơn nhiều so với tỷ lệ người thực hiện các dự án chuyển giao kết quả nghiên cứu do Nhà trường quản lý. Cụ thể, mỗi năm nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, tập huấn, xây dựng tài liệu đào tạo theo đặt hàng của các viện nghiên cứu, doanh nghiệp đem lại cho Nhà trường gần 200 triệu VNĐ/năm. Thu nhập trung bình mỗi giảng viên khi thực hiện các hợp tác ngoài trường xấp xỉ 5 triệu VNĐ/tháng/người<sup>8</sup>.

Về liên kết trong phát triển công nghệ, các câu trả lời thu được chủ yếu nằm ở phương án không hợp tác, ít hợp tác và hợp tác mức trung bình. Tỷ lệ người chọn phương án chặt chẽ và rất chặt chẽ là rất nhỏ, thậm chí một số đối tác không có phương án này.

<sup>8</sup> Theo kết quả phỏng vấn một số cán bộ, giảng viên Trường Đại học Lao động-Xã hội do tác giả thực hiện.

**Bảng 2.** Tỷ lệ % giảng viên đánh giá về mức độ hợp tác giữa trường đại học với các đối tác trong phát triển công nghệ (triệu đồng/năm)<sup>9</sup>

TT	Các đối tác liên kết trong phát triển công nghệ	Không hợp tác (0)	Ít hợp tác (< 500)	Trung bình (500-2.000)	Chặt chẽ (2.000-10.000)	Rất chặt chẽ (> 10.000)
1	Trường đại học trong nước	12,4	78,3	9,3	0	0
2	Trường đại học nước ngoài	17,9	56,8	25,3	0	0
3	Viện R&D trong nước	6,1	48,5	43,4	2	0
4	Viện R&D nước ngoài	9,2	62,2	28,6	0	0
5	Doanh nghiệp	0	11	82	5	2
6	Các đối tác khác	51,2	37,2	11,6	0	0

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2016

Như vậy, có tới 78,3% ý kiến cho rằng trường đại học nơi họ công tác ít hợp tác với trường đại học khác trong hoạt động phát triển công nghệ, con số này với trường đại học nước ngoài là 56,8%. Thậm chí, tỷ lệ người trả lời trường không hợp tác với trường đại học trong nước và nước ngoài ở hoạt động phát triển công nghệ lần lượt là 12,4% và 17,9%. Tình hình này cũng tương tự khi hỏi về mức độ liên kết giữa trường với các viện nghiên cứu khác trong và ngoài nước. Có 6,1% người trả lời cho rằng cơ quan họ không hợp tác với viện nghiên cứu và triển khai (R&D) trong nước trong phát triển công nghệ. Câu trả lời tương tự với các viện R&D nước ngoài là 9,2%. Mặt khác, tỷ lệ người cho rằng trường đại học họ công tác ít hợp tác với viện R&D trong nước và viện R&D nước ngoài rất cao, lần lượt là 48,5% và 62,2%. Mặt khác, viện R&D trong nước có 43,4% ý kiến cho rằng hợp tác trung bình với trường và 2% cho rằng hợp tác chặt chẽ với trường trong phát triển công nghệ.

Thực trạng liên kết của trường đại học với các đối tác bên ngoài trong dịch vụ KH&CN và đào tạo có phần tốt hơn so với hoạt động phát triển công nghệ. Dưới đây là bảng tổng hợp kết quả khảo sát:

**Bảng 3.** Tỷ lệ % giảng viên đánh giá về mức độ hợp tác giữa trường đại học với các đối tác trong dịch vụ KH&CN và đào tạo (triệu đồng/năm)<sup>10</sup>

TT	Các đối tác liên kết trong dịch vụ KH&CN và đào tạo	Không hợp tác 0	Ít hợp tác < 500	Trung bình 500-2.000	Chặt chẽ 2.000-10.000	Rất chặt chẽ > 10.000
1	Trường đại học trong nước	0	42	51	7	0
2	Trường đại học nước ngoài	0	21,4	70,4	7,1	1
3	Viện R&D trong nước	0	22,7	59,8	17,5	0

<sup>9</sup> Xem chú thích 4, Bảng 1 về cách điều tra

<sup>10</sup> Xem chú thích 4, Bảng 1 về cách điều tra

TT	Các đối tác liên kết trong dịch vụ KH&CN và đào tạo	Không hợp tác 0	Ít hợp tác < 500	Trung bình 500-2.000	Chặt chẽ 2.000-10.000	Rất chặt chẽ > 10.000
4	Viện R&D nước ngoài	0	52,6	47,4	0	0
5	Doanh nghiệp	0	14,1	47,5	33,3	5,1
6	Các đối tác khác	25,4	41,3	33,3	0	0

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2016

Qua bảng tổng hợp trên, đối tác được cho là liên kết chặt chẽ nhất với trường đại học trong hoạt động dịch vụ KH&CN và đào tạo là doanh nghiệp với 85,9% ý kiến (trong đó 47,5% cho rằng liên kết mức độ trung bình, 33,3% cho rằng chặt chẽ và 5,1% nhận định rất chặt chẽ). Đứng thứ hai là trường đại học nước ngoài với 78,5% ý kiến ủng hộ (70,4% cho rằng hợp tác mức độ trung bình và 7,1% cho rằng chặt chẽ, 1% rất chặt chẽ). Tiếp theo đó là viện nghiên cứu trong nước với 59,8% cho rằng hợp tác mức độ trung bình và 17,5% chặt chẽ. Về nhận định liên kết lỏng lẻo, có 52,6% người trả lời phỏng vấn cho rằng trường ít hợp tác với viện R&D nước ngoài. Con số này khi khảo sát cho trường đại học trong nước, trường nước ngoài và doanh nghiệp lần lượt là 42%, 21,4% và 14,1%. Ngoài các chủ thể trên, các đối tác khác có mức độ liên kết trung bình hoặc ít với trường đại học trong hoạt động dịch vụ và đào tạo có thể kể đến như: cơ quan thuộc chính phủ hoạt động trong lĩnh vực tương tự, một số đoàn thể ở địa phương có nhu cầu đào tạo, cá nhân nhà khoa học,... Điều đáng nói là, hoạt động liên kết cụ thể được các đối tác nhắc đến là đào tạo đội ngũ nhân lực thông qua các lớp tập huấn ngắn hạn, gửi sinh viên thực tập. Hợp tác trong dịch vụ KH&CN còn rất ít ỏi.

**2.3. Dòng trao đổi thông tin** giữa trường đại học và các đối tác qua khảo sát cho thấy chủ yếu được diễn ra thông qua các hội thảo, hội nghị và phát triển các tạp chí chuyên ngành.

Như vậy, từ kết quả khảo sát thực trạng liên kết giữa trường đại học và viện nghiên cứu, doanh nghiệp tại các trường có thể thấy hình thức liên kết chủ yếu ở các dạng: Liên kết trong đào tạo, nghiên cứu chung, hội thảo, trao đổi nhân lực. Hoạt động chuyển giao công nghệ còn hạn chế. Thực trạng liên kết này có thể được cải thiện hơn nữa, mang lại nhiều lợi ích hơn cho các bên.

### 3. Những rào cản trong hoạt động liên kết

Nguyên nhân cản trở hoạt động liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các đối tác khác khá đa dạng tùy thuộc từng trường hợp cụ thể.



Về dòng chuyên giao nhân lực, có thể thấy rõ rằng, sự thiếu hụt các nhà nghiên cứu giỏi là một trong những nguyên nhân cản trở việc thiết lập mối liên kết: *Ở những đề tài, nhiệm vụ khoa học quy mô nhỏ thì việc liên kết không có gì khó khăn. Tuy nhiên, khi gặp những đề tài, hợp đồng lớn thì nhiều khi trường chưa dám nhận vì bối cảnh chung hiện nay chúng ta còn thiếu người giỏi chỉ huy dẫn dắt các đồng sự thực hiện nhiệm vụ. Mặt khác, nhiều nhà quản lý còn e ngại quản lý các dự án lớn, sợ vượt quá khả năng sẽ gây ra sai sót. Như vậy, vấn đề ở đây là năng lực đội ngũ nhân lực KH&CN, thiếu nhà quản lý giỏi và kỹ sư giỏi có đủ tầm cỡ quản lý và thực hiện dự án lớn. Hơn nữa, không ít nhà khoa học hiện nay còn thiếu tinh thần hợp tác, không có thói quen làm việc nhóm và chia sẻ. Sự liên kết nhiều khi là mệnh lệnh hành chính hơn là tự nguyện. Với tập tính này, việc liên kết cần được đảm bảo bằng văn bản pháp lý để quy định trách nhiệm các bên.*

Về dòng chuyên giao kết quả nghiên cứu, lãnh đạo Công ty TNHH Duy Thịnh (Công ty sản xuất thức ăn gia súc) đã nói về những cản trở khi doanh nghiệp của bà muốn hợp tác với trường đại học như sau: *Doanh nghiệp của tôi chuyên sản xuất thức ăn gia súc. Khi mới bắt đầu đi vào hoạt động, tôi có ký hợp đồng với một Giáo sư Trường Đại học Khoa học Tự nhiên để nghiên cứu chế tạo công nghệ xử lý chất thải khí, biến khói đen thành khói trắng. Tuy nhiên, đến khi hợp đồng hết hạn, sản phẩm vẫn không nghiệm thu được vì lúc đó chưa đạt yêu cầu, nhà khoa học cần thêm thời gian. Tôi đánh giá cao trình độ chuyên môn của vị giáo sư hóa đó song tôi hiểu có nhiều cản trở khiến ông khó hoàn thành công việc như hợp đồng. Một trong những lý do chính là mặc dù tổng số tiền tôi phải chi trả cho hợp đồng này là vài trăm triệu nhưng người nghiên cứu phải gánh quá nhiều chi phí quản lý, cuối cùng chỉ còn khoảng 10% kinh phí thực sự dành cho nghiên cứu... Thiết nghĩ đây cũng là một trong những lý do dẫn tới thực tế hiện nay: Doanh nghiệp đa phần muốn mua công nghệ sẵn có hơn là muốn đầu tư cho nghiên cứu, chế tạo. Theo kết quả khảo sát của Đề tài cấp Nhà nước KX.06.06/11-15, chỉ có 79% trong số 104 doanh nghiệp được hỏi có thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khả năng đầu tư cho tự đổi mới còn hạn chế trong khi Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách hiệu quả. Như vậy có nghĩa là đa số kết quả cải tiến sản phẩm/quy trình có được là nhờ doanh nghiệp Việt Nam cải tiến công nghệ sẵn có<sup>11</sup>. Sự gắn kết giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học còn rời rạc, nhỏ lẻ.*

Ngoài các rào cản đã nêu, có một số nguyên nhân khác cản trở mối liên kết gồm:

---

<sup>11</sup> Đào Thanh Trường, 2015. Thực trạng hệ thống STI trong doanh nghiệp Việt Nam. Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, Tập 31, Số 2 (2015), tr.39

**Bảng 4.** Nhận định của các giảng viên về nguyên nhân cản trở hoạt động liên kết của trường đại học với viện nghiên cứu và doanh nghiệp

TT	Nguyên nhân cản trở	Tổng số ý kiến	Không gây khó khăn	Có gây khó khăn
1	Thủ tục hành chính	97	8	89
2	Tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu	97	59	28
3	Chính sách thuế	97	46	51
4	Quỹ tài trợ nghiên cứu của Nhà nước	97	44	53
5	Khả năng của trường về nhân lực KH&CN trong việc đáp ứng hợp tác nghiên cứu với viện và doanh nghiệp	97	82	15
6	Khả năng của trường về cơ sở vật chất phục vụ hợp tác nghiên cứu	97	60	37
7	Kinh phí trường huy động được để đáp ứng nhiệm vụ của hợp đồng liên kết	97	25	72
8	Các nguyên nhân khác	5	0	5

*Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2016*

Theo kết quả thu được, tất cả các nguyên nhân mà tác giả đưa ra đều gây khó khăn cho hoạt động liên kết với mức độ đồng tình có khác nhau giữa các nguyên nhân. Cụ thể, những nguyên nhân được nhiều người cho rằng thường gây cản trở mỗi liên kết là: Thủ tục hành chính, chính sách thuế, kinh phí phục vụ nghiên cứu theo hợp đồng của Trường và quỹ tài trợ nghiên cứu của Nhà nước.

Học viện Nông nghiệp Việt Nam lại có những khó khăn riêng khi thúc đẩy mỗi liên kết giữa đào tạo, nghiên cứu với sản xuất. Theo ý kiến của Học viện, hệ thống chính sách của Nhà nước hiện nay còn thiếu chính sách khuyến khích cán bộ KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, kể cả về đào tạo. Về mặt khách quan, điều kiện thời tiết, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp (dịch cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng, hạn hán, lụt, lũ quét, sạt lở đất...) ảnh hưởng không nhỏ tới các hoạt động nghiên cứu chuyên giao của các đơn vị. Trong nội bộ Học viện, cơ sở vật chất của các đơn vị phần lớn còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa có sự đồng đều về thành tích nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ giữa các đơn vị trong trường, giữa các đơn vị chưa có sự liên kết trong việc đề xuất các đề tài có tính liên ngành.

Một cản trở khác cho mỗi liên kết ba bên là tâm lý sinh ngoại của không ít doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và nghiên cứu ở nước ta. Những mối liên kết với viện hay trường đại học nước ngoài thường được “chào đón” hơn là hợp tác trong nước. Vì vậy, ở một số đơn vị khảo sát, các mối liên kết trong nghiên cứu chủ yếu do quan hệ cá nhân tự thành lập nhóm nhỏ để hợp tác

ngiên cứu. Doanh nghiệp cũng có xu hướng đặt hàng với các trường đại học nước ngoài, nơi mà công nghệ họ cần đã được thử nghiệm và có khả năng sinh lợi ngay. Do đó, sự nỗ lực của trường đại học trong việc khẳng định uy tín, năng lực qua thời gian sẽ dần khắc phục được tâm lý không tốt này.

Theo báo cáo của Quỹ Giáo dục Việt Nam<sup>12</sup>, hệ thống giáo dục Việt Nam dựa nhiều vào mô hình tách biệt giữa các cơ sở giảng dạy và các viện nghiên cứu. Do đó, hoạt động nghiên cứu không hẳn được tích hợp trong giáo dục đại học của Việt Nam. Nhiều chương trình đào tạo trong lĩnh vực khoa học hiện nay bao gồm cả nghiên cứu, nhưng chỉ trong năm học cuối. Báo cáo cũng nhận định: Các doanh nghiệp không có nhiều kết nối với các trường đại học, các cơ sở giáo dục không nắm được nhu cầu của doanh nghiệp khi tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp. Một trong những nguyên nhân làm cản trở sự phát triển toàn diện của trường đại học tại Việt Nam nói chung và hoạt động liên kết nói riêng được Báo cáo kết luận là do: *“...việc chưa được hoàn toàn tự chủ vẫn cản trở những chuyển biến trong phương pháp giảng dạy, chương trình học và tất cả những mặt khác”*. Vấn đề năng lực cũng là một trở ngại đáng kể: *“Ngay cả khi có quyền tự chủ, không phải tất cả các chương trình đào tạo, các khoa và các trường đều nắm rõ về những điều được làm để tiến tới hoạt động độc lập hơn”*.

Tóm lại, theo khảo sát thực tế và phân tích tài liệu, tác giả nhận định có nhiều nguyên nhân dẫn tới cản trở việc hình thành và phát triển mối liên kết giữa trường đại học với viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Đó là các nguyên nhân về chính sách, về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động R&D, về năng lực đội ngũ nhân lực KH&CN và thiếu niềm tin vào sự thành công của hợp tác giữa nhà khoa học và doanh nghiệp.

#### **4. Một số gợi ý nhằm thúc đẩy hoạt động liên kết của trường đại học**

Theo tiếp cận hệ thống đổi mới, doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong hệ thống đổi mới, các yếu tố khác tương tác, liên kết với nhau để tạo ra sản phẩm đổi mới. Trong hệ thống đó, Nhà nước thay vì giữ vai trò chỉ huy sẽ chuyển sang vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện. Điều này sẽ giúp khắc phục các rào cản hành chính, tổ chức, làm cản trở hoạt động nghiên cứu và chuyển giao KH&CN. Xuất phát từ tiếp cận hệ thống đổi mới và qua nghiên cứu thực trạng liên kết tại một số trường đại học như trên, tác giả có một số kiến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động liên kết của trường đại học như sau:

Về mặt chính sách, Nhà nước cần tạo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, tài chính và nhân sự, hợp tác quốc tế trong các trường. Chính

<sup>12</sup> Theo: Vietnam Education Foundation. Báo cáo cập nhật giáo dục đại học 7/2014.

sách của Nhà nước cần tạo điều kiện cho các phân hệ trong tam giác liên kết và hệ thống đổi mới được hoạt động thuận lợi. Các phân hệ này ngoài ba thành phần chính là trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp còn là sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ như tổ chức tài chính (cơ quan hỗ trợ đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm), các tổ chức kỹ thuật (đánh giá, kiểm định và bảo hộ chất lượng, tiêu chuẩn hàng hóa,...) hoặc các tổ chức dịch vụ thông tin, tư vấn. Các tổ chức hỗ trợ này có thể là tổ chức thuộc khu vực Nhà nước hoặc khu vực tư nhân.

Trong nội bộ trường đại học, cần cải cách về quy trình quản lý đề tài, dự án, tránh quá nhiều thủ tục hành chính gây chậm trễ về thời gian thực tế tiến hành nghiên cứu cũng như phân tán quỹ kinh phí thực hiện đề tài. Có như vậy mới tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu đảm bảo về thời gian và kinh phí nghiên cứu, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu và đảm bảo tuân thủ thời hạn hợp đồng. Thêm nữa, cần làm tốt hơn công tác bảo hộ sở hữu trí tuệ, đảm bảo tính bí mật về bí quyết công nghệ để các doanh nghiệp yên tâm đặt hàng với các nhà khoa học của trường.

Để tạo niềm tin cho doanh nghiệp, trường đại học cần có chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu, tạo thương hiệu và uy tín cho trường. Tuy nhiên, ở một số đơn vị khảo sát, mặc dù đã có danh tiếng song nhiều doanh nghiệp vẫn dè dặt khi kí hợp đồng liên kết. Lý do vì: *“doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ không có đủ thời gian để chờ đợi một sản phẩm công nghệ từ khi bắt đầu nghiên cứu đến lúc có khả năng sinh lợi, hơn nữa không có gì đảm bảo cho sự đầu tư của chúng tôi vào nghiên cứu của trường sẽ thu được kết quả”* (nam, giám đốc doanh nghiệp sản xuất giấy dán tường). Vì vậy, doanh nghiệp không muốn đầu tư vào toàn bộ quá trình nghiên cứu của trường đại học mà mong muốn có sự hỗ trợ của Nhà nước cho hoạt động này. Chỉ khi nhìn thấy sự thành công của kết quả nghiên cứu doanh nghiệp mới muốn đầu tư. Đây cũng là tâm lý không tốt, cần tuyên truyền thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về lợi ích của việc đầu tư cho hoạt động KH&CN đối với lợi nhuận, khả năng cạnh tranh, đón đầu và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Mặt khác, để kích cầu liên kết, trường đại học cần xây dựng các cơ sở dữ liệu, đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin để nâng cao chất lượng hoạt động, quảng bá sản phẩm nghiên cứu. Tổ chức thường xuyên các cuộc đối thoại giữa trường đại học và doanh nghiệp cũng như các đối tác khác nhằm tìm hiểu về nhu cầu của doanh nghiệp và làm cơ sở thiết lập mối liên kết. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh phát triển thị trường công nghệ, tổ chức và tham gia các hội chợ công nghệ, phát triển các hình thức trao đổi công nghệ theo hợp đồng, chuyển giao công nghệ và dịch vụ công nghệ.

Một giải pháp tăng cường hoạt động liên kết của trường là xây dựng các cơ cấu nghiên cứu trực thuộc, hình thành đại học định hướng nghiên cứu. Có thể tổ chức ở dạng sáp nhập một số viện nghiên cứu và trường đại học; khuyến khích thành lập cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trong trường đại học; khuyến khích các doanh nghiệp lập ra tổ chức R&D theo hướng hình thành các học viện và doanh nghiệp KH&CN.

## 5. Kết luận

Nhu cầu liên kết giữa trường đại học với viện nghiên cứu, doanh nghiệp là rất cao song do một số nguyên nhân nên thực tế mỗi liên kết này còn lỏng lẻo, chưa tương xứng với tiềm năng. Qua phân tích các rào cản, tác giả nhận định cần lấy doanh nghiệp làm trung tâm của mỗi liên kết, hướng các nghiên cứu, sản phẩm đào tạo phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp, xã hội. Một số giải pháp thúc đẩy mỗi liên kết gồm: Nhà nước chuyển từ vai trò chỉ huy sang hỗ trợ, tạo cơ chế tự chủ cho các trường đại học, cải cách quy trình quản lý đề tài, tạo dựng thương hiệu và uy tín cho trường, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường công nghệ và xây dựng các cơ cấu nghiên cứu trực thuộc, hình thành đại học định hướng nghiên cứu./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Học viện Nông nghiệp Việt Nam. 2014. “Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN”.
2. Vietnam Education Foundation. Báo cáo cập nhật giáo dục đại học 7/2014.
3. Lê Đình Tiến, Trần Chí Đức. 2001. *Liên kết giữa nghiên cứu và triển khai với đào tạo sau đại học ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
4. Trần Công Yên (chủ biên). 2012. *Những kiến thức cơ bản về đổi mới*. Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
5. Đào Thanh Trường. 2015. “Thực trạng hệ thống STI trong doanh nghiệp Việt Nam”. Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, Tập 31, Số 2, tr.33-42.
6. <http://www.hust.edu.vn>

### Tiếng Anh:

7. UNESCO. 1984. *Manual for statistics on scientific and technological activities*. ST.84/WS/12. Paris: UNESCO.